

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 335/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-4-2021

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1127/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà C Ng Ph Th, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp X Th Đ, xã X Th Đ, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông H Th T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp X Th Đ, xã X Th Đ, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Th có mặt; ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà C Ng Ph Th trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, bà và ông H Th T tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tây Thạnh, quận Tân Phú theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 01/2014 ngày 13/6/2014.

Thời gian đầu, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Bà cũng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hai vợ chồng bà đã sống ly thân từ giữa năm 2020 cho đến nay. Nay bà Th xác

định vợ chồng không còn yêu thương tôn trọng nhau, không thể hàn gắn trở về chung sống với nhau được. Do đó, bà Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 03 con chung tên H T T, sinh ngày 16/12/2013, H T T, sinh ngày 03/11/2015 và H Ng P V, sinh ngày 04/7/2018. Hiện nay, cả ba con chung đang sống chung với bà Th. Sau khi ly hôn, bà Th yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng/con chung cho đến khi ba con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà Th và ông T là tranh chấp về việc “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; ông T có nơi cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Th và ông T. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Th có mặt, ông T vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 01/2014 ngày 13/6/2014 của UBND phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà Th: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhằm tạo điều kiện để bà Th và ông T đoàn tụ với nhau nhưng bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông T, ông T vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông T đã trầm trọng, hai vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2020 đến nay, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông T.

[5] Về con chung: Bà Th và ông T có ba con chung tên H T T, sinh ngày 16/12/2013, H T T, sinh ngày 03/11/2015 và H Ng P V, sinh ngày 04/7/2018.

Xét thấy, cả ba con chung đều còn nhỏ và hiện nay đang sống với bà Th. Cháu T cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th, giao Cháu T, Tài và Vy cho bà Th được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, ba con chung còn nhỏ và bà Th là người trực tiếp nuôi dưỡng nên bà Th yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con với số tiền

2.000.000đ/tháng cho mỗi con chung cho đến khi ba con chung lần lượt đủ 18 tuổi là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Th phải chịu án phí ly hôn; ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà C Ng Ph Th được ly hôn với ông H Th T.

2. Về con chung: Có ba con chung tên H T T, sinh ngày 16/12/2013; H T T, sinh ngày 03/11/2015 và H Ng P V, sinh ngày 04/7/2018.

Giao cho bà C Ng Ph Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung là H T T, Huỳnh Tuấn Tài và H Ng P V.

Ông H Th T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000đồng/tháng/con chung cho đến khi ba con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con chung, sau khi ly hôn, ông H Th T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th xác định không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà C Ng Ph Th phải chịu là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0076598 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Th đã nộp đủ.

Ông H Th T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND phường Tây Thạnh, Tân Phú
(GCNKH số 103 ngày 13/6/2014);
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mai

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút , ngày 20 tháng 11 năm 2019.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Liên Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**.

2. Bà **Nguyễn Thị Tịnh Tâm**.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 946/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Tới** - sinh năm 1964;

Địa chỉ: 115/6 ấp 1, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Lùng** - sinh năm 1963;

Địa chỉ: 115/6 ấp 1, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất: 3/3.

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 203, Điều 235, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về nội dung:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tới đối với ông Nguyễn Văn Lùng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Tới được ly hôn với ông Nguyễn Văn Lùng.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị Tới và ông Nguyễn Văn Lùng có 02 con chung tên Nguyễn Phương Dung, sinh năm 1989 và Nguyễn Phương Thảo, sinh năm 1992 đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Tới xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Phạm Thị Tới phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Ngày 30/7/2019, bà Tới đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0004538 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn được đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 20 tháng 11 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Liên Nguyễn Thị Tịnh Tâm

Nguyễn Liên Quân